

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

V/v ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Lệ Hằng.

2. Bà Thái Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Th Th, sinh năm: 1989. Cư trú tại: khu vực 2, phường H, thành phố Ng, tỉnh H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Phương S, sinh năm: 1988. Cư trú tại: Ấp Ng, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Th Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th Th và anh Nguyễn Phương S được cha mẹ đôi bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2009, nhưng đến ngày 10/3/2011 chị Th và anh S mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất

hạnh phúc, đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Th và anh S sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh S. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Th và anh S có 02 người con chung tên là Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011. Hiện nay N và A đang sống chung với chị Th. Chị Trần Thị Th Th yêu cầu được nuôi con chung tên là Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Nguyễn Phương S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh S không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung, đề nghị xử giao cháu Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011 cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Phương S là bị đơn trong vụ án, anh S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

Đối với nguyên đơn chị Trần Thị Th Th, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Th Th và anh Nguyễn Phương S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01/2017, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Th và anh S có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011, hiện nay N và A đang sống chung với chị Th. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn anh Nguyễn Phương S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của chị Th, nhưng anh S không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị Th và anh S sống ly thân cho đến nay thì cháu N và A sống chung với chị Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011 cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị Th không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th Th được ly hôn với anh Nguyễn Phương S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Lộc N, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Trần Lộc A, sinh ngày 13/9/2011 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và A thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009796 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Phương S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th Th và anh Nguyễn Phương S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Hồ Mỹ Xuyên**